

Bản án số: 70b/2022/HS-PT

Ngày: 30/5/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Vinh.

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Quyết

Ông Nguyễn Văn Ngữ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 101/TLPT-HS ngày 05 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh D, Đặng Văn Q, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh D, Đặng Văn Q đối với bản án hình sự sơ thẩm số 28/2022/HSST ngày 28/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện H1, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn H; Tên gọi khác: Không;

Giới tính: Nam; Sinh ngày 27/02/2001;

Nơi cư trú: thôn V, xã Đ, huyện H1, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Tự do ; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12;

Con ông: Nguyễn Văn K, sinh năm 1976;

Con bà: Đỗ Thị T, sinh năm 1978;

Vợ, con: Chưa có;

Anh chị em ruột: Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị giam, giữ; hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Minh D; Tên gọi khác: Không;

Giới tính: Nam; Sinh ngày 03/02/2001;

Nơi cư trú: thôn V, xã Đ, huyện H1, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Tự do ; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12;
Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1979;
Con bà: Trần Thị H2, sinh năm 1982;
Vợ, con: Chưa có;
Anh chị em ruột: Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất;
Tiền án, tiền sự: Không;
Bị cáo không bị giam, giữ; hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Đặng Văn Q; Tên gọi khác: Không;

Giới tính: Nam; Sinh ngày 06/8/2001;

Nơi cư trú: thôn Y, xã Đ, huyện H1, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Tự do ; Trình độ văn hóa: Lớp 10/12;

Con ông: Không rõ tên, tuổi;

Con bà: Đặng Thị H3, sinh năm 1963;

Vợ, con: Chưa có;

Anh chị em ruột: Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 14/7/2021, bị Chủ tịch UBND xã Đ Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 297/QĐ-UBND về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chấp hành xong ngày 14/10/2021)

Bị cáo không bị giam, giữ; hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án còn bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất:

Ngày 20/8/2021, H cùng với D, Q; Tạ A, sinh năm 2004 trú tại thôn H4, xã Đ và Đào Xuân H6, sinh năm 2004 trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện H1 đến nhà nghỉ H5 có địa chỉ tại thôn V1, xã B1, huyện H1 Tê nghỉ tại phòng 307. Khoảng 20 giờ cùng ngày, có L, sinh năm 2003 trú tại thôn K1, xã Đ, huyện H1 cùng với Phạm Văn T2, sinh năm 2004 trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện H1 đến nhà nghỉ H5 vào phòng 307 chơi cùng nhóm của H. H, D và Q khai, tại phòng 307, các đối tượng cùng nhau sử dụng chất ma túy (ma túy do D khai mua của một người đàn ông không biết tên, tuổi địa chỉ ở thôn N, xã Hương L, huyện H1). Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, L và T2 ra về trước, có hẹn với D là ngày 21/8/2021 sẽ đến nhà nghỉ H5 để chơi tiếp. Sau khi L về, theo các đối tượng khai, do không có tiền trả tiền Tê nhà nghỉ nên H, D và Q đã bàn bạc với nhau về việc ngày 21/8/2021 nếu L đến thì sẽ tìm cách mượn điện thoại của L mang đi cầm cố lấy tiền.

Như đã hẹn, khoảng 20 giờ ngày 21/8/2021, anh L đến nhà nghỉ H5 và lên phòng 307. Tại đây, H hỏi mượn anh L chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max để chơi trò chơi, anh L đồng ý. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, bạn gái anh

L là chị Nguyễn A1, sinh năm 2004 trú tại thôn Đ1, xã T3, huyện H1 đến tìm. Lúc này, do sợ bị phát hiện, anh L đã lấy điện thoại di động từ H, thoát địa chỉ Icloud ra rồi đưa điện thoại cho H để tiếp tục sử dụng còn anh L và D sang phòng nghỉ 305. Một lúc sau, H và D nhắn tin cho nhau qua ứng dụng messenger của mạng facebook bàn bạc về việc mang điện thoại của anh L đi cầm cố. Cùng lúc này, H bảo Q điện thoại cho T4, sinh năm 1998 trú tại thôn Đ2, xã Danh T6, huyện H1 để đặt vấn đề cầm cố chiếc điện thoại. Q nói với anh T4 là cho cầm cố chiếc điện thoại di động của H (nhưng thực chất là điện thoại của anh L). Sau đó, H một mình đến nhà anh T4, cầm cố chiếc điện thoại di động của anh L được số tiền 1.500.000 đồng rồi quay lại nhà nghỉ H5. Số tiền cầm cố điện thoại, H dùng để trả tiền nhà nghỉ hết 500.000 đồng và chia cho D 300.000 đồng, Q 200.000 đồng để chơi game qua ứng dụng “Gamvip”. Khoảng 03 ngày sau, do không còn tiền tiêu nên Q tiếp tục liên lạc với T4, đặt vấn đề vay thêm 5.500.000 đồng và thống nhất cầm cố chiếc điện thoại di động của anh L với tổng số tiền là 7.000.000 đồng. Số tiền 5.500.000 đồng, H dùng để trả tiền nhà nghỉ hết 2.700.000 đồng, còn lại Q, D, H chia nhau ăn tiêu và chơi “Gamvip”.

Vụ thứ hai:

Ngày 04/9/2021, H, D, Q và A tiếp tục đến nhà nghỉ H5 Tê nghỉ tại phòng 309. Tại đây, H, D và Q tiếp tục bàn với nhau xem có mượn được xe của ai để mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Do D quen biết với anh Ngô Hồng Q1, sinh năm 2003 trú tại thôn Đ2, xã Danh T6, huyện H1 và biết anh Q1 có xe mô tô nên D nói với H và Q để D gọi anh Q1 đến rồi mượn xe mang đi cầm cố, H và Q đồng ý. Sáng ngày 05/9/2021, D gọi điện cho anh Q1 rủ anh Q1 về nhà D chơi, anh Q1 đồng ý. Khoảng 11 giờ cùng ngày, anh Q1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 98K9-5246 (xe đăng ký đứng tên chị Ngô Thị Q2, sinh năm 1989 trú tại thôn Lý V2, xã B1 do bà Đỗ Thị Tân, sinh năm 1983 là mẹ của anh Q1 mua lại) chở anh Nguyễn Văn H6, sinh năm 2002 trú tại Tổ dân phố Văn Tự, thị trấn T6, huyện H1 đến nhà D rồi chở D đến nhà nghỉ H5. Trước khi đến, D có thông báo cho H biết về việc đã rủ được anh Q1 đến, sau đó H thông báo lại cho Q biết và bảo khi nào anh Q1 đến thì Q và D sẽ hỏi mượn xe của anh Q1 để sau đó mang đi cầm cố. Khi anh Q1 đến nhà nghỉ, H mượn chiếc xe mô tô trên của anh Q1 rồi đi mua ma túy về sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, D tiếp tục hỏi mượn xe của anh Q1 để ra ngoài mua ma túy tiếp, nhưng D khai thực chất mục đích là để mang xe đi cầm cố. Sau đó D điều khiển xe mô tô của anh Q1 chở Q, trên đường đi do không thống nhất được việc ai sẽ là người đứng ra cầm xe nên D và Q quay lại nhà nghỉ H5. Tại đây, Q lên phòng nghỉ còn H điều khiển xe mô tô của anh Q1 chở D đến nhà T4 để cầm cố. Khi đến nơi, H trực tiếp vào gặp T4 còn D đứng ở ngoài chờ. T4 đồng ý cho H vay số tiền 3.000.000 đồng và để lại chiếc xe mô tô BKS 98K9-5246 để làm tin. Sau đó, H và D quay lại nhà nghỉ, D thông báo cho anh Q1 biết đã cầm xe mô tô của anh Q1, hẹn đến chiều sẽ chuộc lại. Số tiền cầm cố xe, H dùng 350.000 đồng để trả tiền xe taxi đưa anh H6 về; còn lại H, D và Q chia nhau ăn tiêu và chơi game “Gamvip” (BL 134-216).

Sau khi sự việc xảy ra, anh L và anh Q1 nhiều lần yêu cầu H, D, Q chuộc lại tài sản mang về trả nhưng không được nên ngày 09/9/2021, anh L và anh Q1 đã làm đơn trình báo Công an xã B1 (BL 36-38). Cùng ngày, T4 tự nguyện giao nộp cho Công an xã B1 01 xe mô tô Wave màu đen đỏ, biển kiểm soát 98K9-5246; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu gold và trình bày đây là tài sản mà Nguyễn Văn

H mang đến nhà anh, hỏi vay tiền và để lại làm tin (BL 47). Ngày 14/9/2021, Công an xã B1 đã chuyển T bộ hồ sơ vụ việc cùng vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H1 để xác minh, điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 11/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H1 ra Yêu cầu định giá tài sản số 80/YCĐG định giá chiếc xe mô tô và chiếc điện thoại di động mà H, D và Q chiếm đoạt. Tại Kết luận định giá số 71/KL-HĐĐG ngày 22/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H1 kết luận: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu sơn đen đỏ, biển kiểm soát 98K9-5246, số khung: RLHJC4329AY063617, số máy: JC4SE-5515479 trị giá 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng); chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu gold, IMEI 1: 357263098436044, IMEI 2: 357263098434874 trị giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Tổng trị giá các tài sản là 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H1 tiến hành kiểm tra tin nhắn trên ứng dụng messenger từ tài khoản facebook của Nguyễn Văn H và Nguyễn Minh D. Kết quả, phát hiện có nhiều tin nhắn trao đổi liên quan đến hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh L và anh Q1.

Trong vụ án còn có các đối tượng sau đây:

- Đối với T4: Khi nhận cầm cố chiếc điện thoại di động và chiếc xe mô tô từ H, hai bên không trao đổi về nguồn gốc tài sản. T4 khai không biết đây là các tài sản do phạm tội mà có cho nên không đủ căn cứ để xử lý về hình sự. Tuy nhiên, hành vi T4 cho H đặt chiếc xe mô tô của anh Q1 vay tiền nhưng không kiểm tra giấy tờ xe, có dấu hiệu vi phạm hành chính, vì xe mô tô là tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, do vậy Viện kiểm sát có văn bản đề nghị Công an huyện H1 xem xét xử phạt vi phạm hành chính đối với T4 về hành vi này.

- Đối với hành vi H, D, Q và các đối tượng khai nhận về việc mua ma túy về sử dụng trái phép tại nhà nghỉ H5, Viện kiểm sát có văn bản đề nghị Công an huyện H1 tiếp tục xác minh, xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với anh Tạ A, Đỗ Xuân H6: Cả hai người đều không biết và không tham gia cùng H, D, Q thực hiện hành vi phạm tội nên không xem xét, xử lý.

Về vật chứng của vụ án: Ngày 10/11/2021 và ngày 17/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H1 đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 91/QĐ trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98K9-5246 cho bà Đỗ Thị Tận, sinh năm 1983 (là mẹ anh Ngô Hồng Q1) và Quyết định xử lý vật chứng số 03/QĐ trả lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max cho anh L. Về trách nhiệm dân sự: Anh Ngô Hồng Q1, anh L và T4 không yêu cầu về bồi thường dân sự.

Từ hành vi nêu trên của bị cáo H, D Q, tại bản cáo trạng số 28/CT-VKS- HH ngày 26/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện H1, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Q, H, D ra trước Tòa án nhân dân huyện H1, tỉnh Bắc Giang để xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 28/2022/HSST ngày 28/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện H1, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn Q 14 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh D 14 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 12/3/2022, bị cáo Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo với nội dung: xin hưởng án treo.

Ngày 12/3/2022, bị cáo Nguyễn Minh D có đơn kháng cáo với nội dung: xin hưởng án treo.

Ngày 12/3/2022, bị cáo Đặng Văn Q có đơn kháng cáo với nội dung: xin hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo H và bị cáo D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị cáo Q bổ sung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo H, bị cáo Q, bị cáo D đều kháng cáo với lý do các bị cáo đã bồi thường hết số tiền 10.000.000 đồng cho người liên quan chuộc tài sản trả cho bị hại. Các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị cáo nêu ra đã kết luận và đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Minh D: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng; xử phạt bị cáo Nguyễn Minh D 14 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 tháng. Đối với bị cáo Đặng Văn Q: xử phạt bị cáo Q 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo không có tranh luận gì.

Bị cáo H nói lời sau cùng: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo cho bị cáo.

Bị cáo D nói lời sau cùng: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo cho bị cáo.

Bị cáo Q nói lời sau cùng: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh D, Đặng Văn Q nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Ngày 21/8/2021 và 05/9/2021, tại nhà nghỉ H5 Tộc thôn V1, xã B1, huyện H1, tỉnh Bắc Giang, Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh D và Đặng Văn Q đã cùng nhau bàn bạc thực hiện hành vi gian dối tạo lòng tin để anh L, anh Q1 cho mượn tài sản rồi mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài. Hành vi của các bị cáo là lừa đảo chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max trị giá 10.000.000 đồng của anh L và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 98K9-5246 trị giá 5.500.000 đồng của anh Ngô Hồng Q1. Tổng trị giá tài sản mà H, D, Q chiếm đoạt là 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Án sơ thẩm đã căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã T thập có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm đã xét xử bị cáo H, D, Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật, không oan.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh D, Đặng Văn Q thì thấy:

* Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

* Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tại cấp sơ thẩm, bị cáo D được bị hại anh L xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bản án sơ thẩm sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo, đánh giá T bộ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đã xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và bị cáo Đặng Văn Q 14 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Nguyễn Minh D 14 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là hoàn T tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phía bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho cả ba bị cáo. Án sơ thẩm đã nhận định nhưng không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 cho các bị cáo là tH sót. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo cung cấp biên bản giao nhận tiền 10.000.000 đồng. Đây là tình tiết

giảm nhẹ mới quy định tại điểm b, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 chưa được xem xét, áp dụng cho các bị cáo tại cấp sơ thẩm nên tại cấp phúc thẩm cần áp dụng cho các bị cáo.

- Về mức hình phạt: Bị cáo Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo D và bị cáo H không kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng theo quy định tại khoản 3 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Tại cấp phúc thẩm các bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ mới nên cần giảm cho các bị cáo một phần hình phạt là có căn cứ pháp luật.

- Về kháng cáo xin hưởng án treo:

Xét thấy, bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Minh D có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cấp phúc thẩm có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới; phạm tội lần đầu ít nghiêm trọng, có nơi cư trú ổn định. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà cho cải tạo tại địa phương có thời gian thử thách cũng đủ giáo dục bị cáo thành người tốt. Bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Minh D, sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tại phiên toà là đúng quy định và phù hợp pháp luật.

Đối với kháng cáo của bị cáo Đặng Văn Q: Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, vai trò và nhân thân: Bị cáo Q có 01 tiền sự, ngày 14/7/2021 bị cáo bị Chủ tịch UBND xã Đ Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 297/QĐ-UBND về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chấp hành xong ngày 14/10/2021). Do vậy, bị cáo Q không đủ điều kiện được hưởng án treo nên không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo. Cần bắt bị cáo phải cách ly xã hội là cần thiết để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo Nguyễn Minh D, bị cáo Đặng Văn Q được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh D và một phần kháng cáo của Đặng Văn Q, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 13 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 26 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 30/5/2022.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh D 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 30/5/2022.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Minh D cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H1, tỉnh Bắc Giang để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 93 của Luật thi hành án hình sự.

** Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn Q 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA huyện H1;
- Chi cục THADS huyện H1;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hải Vinh